

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ GIÁ CẢ NƯỚC TA ĐẾN NĂM 2010

PTS. ĐÀO DUY HUÂN

(Tiếp theo kỳ trước)

2. Định hướng vận động của mặt bằng giá cả đến năm 2010

a. Mặt bằng giá cả nông sản phẩm

Xét theo số liệu lịch sử, giá nông sản phẩm liên tục tăng lên thời kỳ 1991-1995 tăng bình quân hàng năm 31,5%. Nếu tính riêng thời kỳ 1992-1995 tăng bình quân hàng năm 23,9%, hai năm 1996-1997 tăng khoảng 12%.

Dự báo thời kỳ tới giá nông sản sẽ tiếp tục tăng lên do chịu sức ép của các yếu tố sau:

Một là năng suất lao động tăng chậm so với mức tăng về đầu tư, thâm canh và mức tăng tiền công trong nông nghiệp, làm cho chi phí sản xuất trên một đơn vị nông sản phẩm tăng lên.

Do bị giới hạn bởi điều kiện tự nhiên nên năng suất gieo trồng thường tăng chậm, trong 7 năm qua năng suất gieo trồng chỉ tăng bình quân 4-5% năm, trong khi mức tăng tương ứng về đầu tư thâm canh là 10 - 12%. Mặt khác quá trình đô thị hóa cũng tạo ra sự chuyển dịch lao động làm cho tiền công lao động nông nghiệp tăng cao hơn năng suất lao động. Kết quả là làm cho chi phí sản xuất tăng lên trên một đơn vị sản phẩm.

Hai là sự gia tăng dân số, tăng thu nhập của dân cư, tăng nguyên liệu cho công nghiệp, giá tăng xuất khẩu làm cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn cả về số lượng và chất lượng... đây là các yếu tố quan trọng làm cho giá nông sản có xu hướng tăng lên qua các thời kỳ.

Ba là giá nông sản thế giới có xu hướng tăng lên, mức bình quân hàng năm là 5 - 6%. Ngoài ra các yếu tố như lạm phát, sự thay đổi tỷ giá hối đoái, sự điều hành hàng hoá theo khu vực, theo thời vụ cũng làm cho giá hàng nông phẩm tăng lên.

Định hướng giá lúa gạo

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2005	2010
• Đồng bằng sông Cửu Long							
• Năng suất (tấn/ha)	5,2	5,3	5,4	5,5	5,6	6,1	6,5
• Giá thành (đ/kg)	1010	1060	1115	1160	1220	1525	1815
• Giá cả sản xuất (đ/kg)	1400	1500	1560	1620	1720	1900	2016
• Giá định hướng (đ/kg)	1500-1600	1600-1800	1700-1900	1800-2000	1900-2100	2100-2300	2700
• Đồng bằng sông Hồng							
• Năng suất (tấn/ha)	5,0	5,1	5,2	5,3	5,4	5,85	6,2
• Giá thành (đ/kg)	1400	1488	1580	1660	1750	2275	2850
• Giá cả sản xuất (đ/kg)	1820	1950	2050	2150	2270	2400	3120
• Giá định hướng (đ/kg)	1900-2000	2100-2300	2150-2350	2200-2400	2250-2450	2400-2650	3200-3300

Các giải pháp bình ổn giá lúa gạo trong giai đoạn này như sau:

- Thực thi đồng bộ các biện pháp từ sản xuất chế biến

đến lưu thông

- Thực hiện cơ chế giá định hướng, giá sàn để bảo hộ người sản xuất, dùng thuế xuất khẩu kết hợp với phụ thu linh hoạt quỹ bình ổn giá, hỗ trợ một phần lãi suất ngân hàng cho việc mua lúa dự trữ.

- Lập quỹ dự trữ quốc gia, dự trữ lưu thông, dự trữ bảo hiểm xuất khẩu về lương thực.

- Thành lập trung tâm giao dịch xuất khẩu nông sản phẩm để nắm bắt giá cả thị trường thương mại thế giới nhằm chủ động trong cung ứng xuất khẩu.

- Quy hoạch các vùng lúa xuất khẩu trọng điểm để có chế độ đầu tư hợp lý từ khâu giống đến thủy lợi, công nghệ sinh học, tín dụng nông thôn, công nghệ chế biến bảo quản gạo.

- Sắp xếp lại mạng lưới kinh doanh lương thực nội địa và xuất khẩu theo hướng không độc quyền nhưng không quá manh mún.

Giải pháp bình ổn giá đường:

Định hướng giá mía đường thời kỳ 1998-2010

	Vụ 96-97	Vụ 97-98	Vụ 1999-2000	Vụ 2004-2005	Vụ 2009-2010
Diện tích trồng mía (1000ha)	240	250	300	350	400
Năng suất mía (tấn/ha)	52	55	60-65	80-85	90-95
Nhà máy chế biến (đơn vị)	24	36	50	55	60
Sản lượng đường (1000tấn)	520	750-800	1000	1500-1600	2000
Nhu cầu tiêu dùng trong nước (1000tấn)	590	650	800	1200	1500
Nhập khẩu (1000tấn)	60	100	200	300-400	400-500
Xuất khẩu (1000tấn)					
Giá mua mía tại ruộng (1000đ/tấn)	200	200	210	180	195
Giá thành đường (đ/kg)					
+RS	4935	4940	6335	4735	5250
+RE	5515	5720-6050	7560	5417	5915
Giá bán lẻ đường (đ/kg)					
+SE	6100	6500	8700	6100	6500
+RE	6800	7100	9400	6800	7200

- Quy hoạch đầu tư phát triển ngành mía đường.

- Trong một vài năm đầu, để bình ổn giá mía tại các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch của nhà nước, cần thực hiện chính sách thuế nhập khẩu đường để bảo hộ sản xuất trong nước.

- Những năm kế tiếp khi sản xuất đủ tiêu dùng thì không cho nhập khẩu để giữ mặt bằng giá định hướng.

- Lập quỹ dự trữ lưu thông.

- Lập quỹ bảo hiểm áp dụng cơ chế phụ thu đối với đường tiêu dùng trong nước để trợ giá khi cần thiết.

- Có chính sách đồng bộ từ sản xuất mía đến chế biến đường nhằm nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh khi xuất khẩu. Đối với người trồng mía cần có chính sách như vay vốn có chính sách ưu đãi, miễn giảm

thuế sử dụng ruộng đất, bảo hiểm rủi ro, trợ giá, khen thưởng, tận dụng sản phẩm phụ tạo ra sản phẩm có giá trị để bù đắp cho ngành đường.

b. Định hướng giá hàng công nghiệp tiêu dùng

Theo số liệu thống kê, so với nhóm hàng hoá khác, nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng có tốc độ tăng giá chậm nhất, thời kỳ 1991-1995 tăng bình

quân là 18,5%, thời kỳ 1996-1997 tăng 3-4%. Trong thời gian tới giá hàng công nghiệp tiêu dùng sẽ tiếp tục tăng

nhưng tốc độ vẫn chậm hơn các nhóm hàng hoá khác vì chịu sự tác động của những yếu tố sau:

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, mức sống và thu nhập hàng năm của dân cư tăng lên theo sự tăng lên của nền kinh tế. Theo điều tra sơ bộ số hộ gia đình cho thấy bình quân thu nhập đầu người của cả nước năm 1996 là 226.000đ (tính theo giá hiện hành) tăng 34% so với năm 1994 và tăng 10% so với năm 1995. Nếu tính thời kỳ 1991-1995, tốc độ tăng GNP bình quân đầu người một năm ở thành thị 8,7% và nông thôn là 3%, điều này dẫn đến tăng sức mua, nếu thị trường không đáp ứng nhu cầu thì giá cả hàng hoá công nghiệp tiêu dùng có khả năng tăng lên, còn tăng nhanh hay chậm còn lệ thuộc vào tỷ lệ tiết kiệm trong nước cao hay thấp.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và công nghệ cùng với sự cạnh tranh gay gắt trong các ngành công nghiệp tiêu dùng làm cho năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tăng nhanh, chi phí sản xuất có khuynh hướng giảm, giá hàng hoá có khả năng giảm xuống, tuy nhiên sự lên xuống của giá cả còn lệ thuộc vào nhiều yếu tố như quan hệ cung cầu về hàng hoá đó trên thị trường...

Chính sách mở cửa nền kinh tế và hội nhập với khu vực và trên thế giới làm tăng tính cạnh tranh quốc tế trên thị trường nội địa. Việc tăng tỷ trọng hàng công nghiệp tiêu dùng nhập khẩu có tác dụng làm cho giá hàng công nghiệp tiêu dùng tăng chậm và làm cho thị phần sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước có nguy cơ giảm nếu chính phủ không có chính sách hữu hiệu...

Trên cơ sở các yếu tố trên, dự báo giá của hàng công nghiệp sẽ tăng 2-3%/năm.

c. Định hướng giá các tư liệu sản xuất

Thời kỳ 1991-1995 giá tư liệu sản xuất có tốc độ tăng nhanh nhất với bình quân 26% /năm, từ 1996 đến nay giá được điều chỉnh nhiều lần, từng bước hình thành theo cung cầu trên thị trường, đồng thời có tính đến giá cả quốc tế nên tốc độ tăng chậm lại.

Dự báo tốc độ giá cả các tư liệu sản xuất tăng chậm hơn tốc độ tăng giá nông sản phẩm do các yếu tố sau đây.

- Tỷ lệ đầu tư cao làm cho nhu cầu tư liệu sản xuất rất lớn như: điện, xi măng, sắt thép... Mặt khác việc điều hành tốc độ tăng giá của tư liệu sản xuất cũng là yếu tố quyết định hiệu quả của tăng trưởng.

- Chịu sự tác động của giá cả thị trường quốc tế, còn giá tư liệu sản xuất của thị trường thế giới biến động lệ thuộc vào chu kỳ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới.

- Giá tư liệu sản xuất còn chịu sự tác động của tỷ giá hối đoái giữa VNĐ với các ngoại tệ. Xu hướng là tỷ giá sẽ tăng trong thời gian tới và sẽ tác động đến giá tư liệu sản xuất.

Từ cơ sở trên dự báo giá tư liệu sản xuất sẽ tăng từ 4-6%/năm.

Định hướng giá phân urê

	1997	2000	2005	2010
Giá vốn phân urê sản xuất trong nước đ/kg	2600	2750	2950	3150
Giá vốn phân urê NK tại cảng (đ/kg)	2550	2860	3410	3950
Giá tối đa định hướng điều hành (đ/kg)	2850	3150	3650	4150

Dự báo đến năm 2010:

Nhu cầu năm 2000 là 2,5 triệu tấn, năm 2005 là 3 triệu tấn, và năm 2010 là 3,5 triệu tấn, giá phân urê lệ thuộc vào giá nhập khẩu. Dự báo giá nhập khẩu 180-220USD/tấn. Sản lượng nhập năm 2000 là 1,2 triệu tấn, năm 2005 là 800.000 tấn và năm 2010 là 60.000 tấn. Giải pháp bình ổn giá phân đến năm 2010 là:

- Tính cân đối tổng cung tổng cầu để điều hành tốt kế hoạch nhập khẩu.

- Nhập quỹ dự trữ lưu thông tiếp tục thực hiện cơ chế

cấp vốn từ ngân sách hoặc hỗ trợ một phần lãi vay ngân hàng để dự trữ lưu thông khoảng 10-15% tổng nhu cầu phân bón.

- Sử dụng linh hoạt cơ chế phụ thu quỹ bình ổn giá để ổn định sản xuất nông nghiệp bảo hộ sản xuất phân bón trong nước.

- Tổ chức lại hệ thống kinh doanh phân bón nhà nước kết hợp với đại lý cung ứng phân bón đến tận nông dân sản xuất.

Định hướng giá điện đến năm 2010

	DVT	1998	1999	2000	2005	2010
Sản lượng điện thương phẩm	tỷ kw/h	17.869	20.614	23.816	58.300	105.000
Giá thành điện	đ/kwh	689	716	743	866	940
Giá định hướng bình quân	đ/kwh	673	750	800	933	1030

Giải pháp bình ổn giá điện:

- Tính đúng tính đủ các khoản chi phí trong sản xuất, truyền tải phân phối điện và bao gồm cả phần hoàn trả vốn vay, lãi vay đầu tư để phát triển ngành.

- Kiểm tra và rà soát tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu dùng để giảm tỷ lệ tổn thất điện.

- Rà soát lại định mức sử dụng và chi phí sản xuất, thường xuyên thực hiện sự kiểm toán để giảm giá thành điện, kết hợp giữa hoàn thiện giá điện với thực hiện giá điện theo công suất và theo điện năng.

- Trước mắt điều chỉnh mức và đối tượng phụ thu tiền điện, tiến đến bỏ hẳn phụ thu trong thời gian tới.

- Thiết lập mặt bằng giá điện nông thôn trong tương quan hợp lý với thành thị, chấn chỉnh kỹ thuật mạng lưới điện ở nông thôn, chấn chỉnh tổ chức quản lý, thực hiện sự bảo toàn vốn do dân nông thôn đầu tư.

Định hướng giá xi măng đến năm 2010

	1997	2000	2005	2010
Xi măng P300 Hoàng Thạch bán tại Hà Nội (đ/kg)	900	900	1150-1200	1345
Xi măng P300 Hà Tiên bán tại TP. HCM (đ/kg)	1000	1000	1250-1300	1445

Giải pháp bình ổn giá xi măng:

- Tổ chức lại mạng lưới cung ứng xi măng.

Các doanh nghiệp nhà nước cần phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để đánh giá các chi phí sản xuất, các định mức kinh tế kỹ thuật để giảm giá thành, tiến tới giá thành của xi măng Hoàng Thạch, xi măng Hà Tiên vào những năm 1998-2010 là 65- 70 USD/tấn và 85-95 USD/tấn

- Nhà nước cần tính toán mức dự trữ xi măng cho các doanh nghiệp, nhất là dự trữ quốc gia.

- Nhà nước cần kiểm soát giá cả sản lượng và chi phí để phòng chống liên minh độc quyền của một số DN liên doanh như Sao Mai, Chinfon... làm tăng giá xi măng.

- Nhà nước nghiên cứu chính sách thuế hoặc phụ thu đối với xi măng sản xuất để giữ mặt bằng giá không xuống thấp do các doanh nghiệp cạnh tranh.

Định hướng giá sắt thép thời kỳ 1998- 2010

	1998	1999	2000	2005	2010
Cung cấp (1000 tấn)					
sản xuất	1300	1500	2000	14.000	20.000
nhập khẩu	400	600	600		
tiêu dùng	1700	2100	2600	8000-	14.000
• Giá nhập phối thép (USD/tấn)	255-270	260-275	265-280		
• Giá thành (đồng /kg)	3900-4200	4000-4500	4300-4600	4750-5100	5540-5810
• Giá bán định hướng (đ/kg)	4800-500	5000-5200	5100-5300	5600-5900	6350-6720

Dự báo đến năm 2010:

- Sản xuất thép xây dựng đủ nhu cầu tiêu dùng, nhưng năm 2000 vẫn phải nhập phôi thép.

- Giá bán trong nước phụ thuộc chi phí sản xuất trong nước và giá phôi thị trường thế giới.

Sản xuất 4 triệu tấn thép + khai thác quặng sắt 10 triệu tấn /năm, tổng sản lượng sản xuất 14 triệu tấn

Các giải pháp bình ổn giá sắt thép:

Liên bộ Kế hoạch và đầu tư, Thương mại, Công nghiệp cùng phối hợp tính toán cân đối cung cầu từng loại sắt thép để có kế hoạch nhập khẩu.

- Kiểm tra giá sắt thép sản xuất trong nước (vì thường cao hơn giá nhập) để xem xét sản xuất tại Việt Nam, nhất là đối với các xí nghiệp liên doanh.

- Sử dụng chính sách thuế = phụ thu quỹ bình ổn giá linh hoạt để hạn chế tác động giá của thế giới.

- Quy hoạch sản xuất thép từ quặng trong nước để chủ động trong sản xuất và xây dựng giá.

Định hướng giá xăng dầu đến năm 2010:

	1998	1999	2000	2005	2010
Xăng ố (t/dlít)					
khu vực I	1500	4900	5200	6100	7500
khu vực II	4600	5000	5300	6500	7600
Dieselt(d/lít)					
khu vực I	3600	4000	4200	5100	6200
khu vực II	3700	4100	4300	5200	6300
Mazut(d/lít)					
khu vực I	1700	1900	2000	2700	3100
khu vực II	1850	2050	2150	2900	3550
Dầu hỏa (d/lít)					
khu vực I	3700	3900	4100	5100	6000
khu vực II	3800	4000	4200	5200	6100

Dự báo đến năm 2010:

- + Giá xăng dầu trên thế giới vẫn tiếp tục tăng lên.

- + Sản lượng sản xuất trong nước đáp ứng khoảng gần một nửa nhu cầu tiêu dùng. Số lượng còn lại phải nhập khẩu.

- + Giá bán xăng dầu trong nước chịu ảnh hưởng của giá thị trường thế giới, tỷ giá hối đoái và chính sách nhập khẩu xăng dầu của nhà nước.

Giải pháp bình ổn giá xăng dầu:

- Tiếp tục thực hiện chính sách phụ thu - linh hoạt vào quỹ bình ổn giá cả để giữ vững mặt bằng giá trong nước, ổn định mức thuế ít nhất là 1 năm, chỉ áp dụng phụ thu khi có chênh lệch giá, dùng chính sách phụ thu khi có biến động giá thế giới mà không dùng thuế.

- Tổ chức lại hệ thống kinh doanh xăng dầu trong cả nước, quy hoạch, củng cố và xây dựng hệ thống bán lẻ xăng dầu. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh các vi phạm về tiêu chuẩn chất lượng xăng dầu.

- Dùng phần thu lệ phí giao thông dầu từ trở lại cho một số ngành nông nghiệp, điện thủy sản, một số lĩnh vực có sử dụng xăng dầu nhưng không dùng cho mục đích vận tải.

III. KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH GIÁ VÀ ỔN ĐỊNH MẶT BẰNG GIÁ CẢ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005 VÀ 2010

1. Các giải pháp nhằm đảm bảo cung - cầu hàng hoá trong từng thời kỳ

a. Về sản xuất: tập trung khuyến khích sản xuất trong nước phát triển để tạo ra ngày càng nhiều hàng hoá cho nhu cầu xã hội, nhất là các vật tư thiết yếu cho nền kinh tế (lương thực, phân bón, xi măng, sắt thép...) nhằm đảm bảo sự cân đối cung cầu hàng hoá trên thị trường nội địa và cho xuất khẩu.

b. Về cơ chế, chính sách: Cần chấn chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách xuất khẩu, tận dụng lợi thế so sánh về đất đai, tài nguyên lao động để mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, nhất là trong

tình hình khủng hoảng tài chính hiện nay. Ưu tiên nhập khẩu các máy móc thiết bị phụ tùng, công nghệ... để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá nền kinh tế nhất là các lĩnh vực có liên quan đến sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, tổ chức quản lý tốt thị trường nhập khẩu và lưu thông hàng hoá, chống buôn lậu gian lận trong thương mại.

2. Các giải pháp về chính sách tài chính tiền tệ

a. Về tài chính

Cần giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, tiến tới thặng bằng thu - chi ngân sách, vì đây là biện pháp quan trọng để ổn định mặt bằng giá cả chung. Duy trì mức thâm hụt ngân sách từ 1-3% GDP trong những năm tới. Dùng các biện pháp huy động vốn trong nước và huy động một phần vốn nước ngoài để bù đắp khoản thâm hụt.

+ Đối với phần thu:

- Xác định tỷ lệ hợp lý thu ngân sách trên GDP phù hợp với từng giai đoạn phát triển, vừa đảm bảo nhiệm vụ chi tiêu có hiệu quả của nhà nước vừa không làm suy giảm khả năng đầu tư phát triển của nền kinh tế

- Tiếp tục triển khai hệ thống thuế theo hướng mở rộng diện thu, chấn chỉnh bộ máy thu thuế, kiện toàn các phương tiện và chế độ quản lý thuế, chống thất thu dưới mọi hình thức.

- Đảm bảo sự thống nhất hài hoà giữa chính sách thuế và chính sách giá.

+ Đối với phần chi

- Thực hiện nghiêm túc luật ngân sách nhà nước ban hành (năm 1997).

- Rà soát và kiểm tra chặt chẽ kế hoạch, cơ cấu và nội dung từng khoản chi trong ngân sách, cắt giảm các khoản chi kém hiệu quả.

- Xã hội hoá từng bước các khoản chi để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách và nâng cao hiệu quả chi.

b. Về tiền tệ

Xây dựng và thực hiện một chính sách tiền tệ đúng đắn bao gồm việc điều hoà cung ứng tiền và chính sách lãi suất như dự trữ bắt buộc, lãi suất tái chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở...

Việc quản lý ngoại hối phải nhằm đạt được mục tiêu sau:

- Giảm dần và tiến tới xoá bỏ việc sử dụng hai đồng tiền trong thanh toán nội địa.

- Nâng cao khả năng dự trữ đồng Việt Nam, làm cho đồng tiền tự do chuyển đổi.

- Phát triển thị trường tiền tệ, trước hết là thị trường hối đoái, tạo tiền đề phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

- Khuyến khích xuất nhập khẩu đầu tư nước ngoài.

c. Các giải pháp kiểm soát kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy tiết kiệm tăng hiệu quả sản xuất lưu thông

Tiếp tục thực hiện tính đúng, tính đủ giá trị tài nguyên, đất đai, tài sản, nguyên liệu... khi đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh nhằm tạo sức ép cho các DN phải nâng cao trình độ quản lý, đổi mới trang thiết bị, sử dụng thiết bị vật tư trong việc tạo ra sản phẩm có chất lượng cao giá thành hạ, nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.

Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá các DN nhà nước, tiếp tục tạo điều kiện cho DN 90-91 phát huy vai trò chủ đạo của nó trong một số lĩnh vực, sửa đổi Luật đầu tư trong nước để phát huy nội lực cho việc phát triển kinh tế.

d. Các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách giá để ổn định mặt bằng về giá cả. Để tạo môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh lành mạnh, hạn chế hoạt động tự phát của cơ chế thị trường, thúc đẩy việc hạch toán, bảo đảm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giữ cho nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững, nhà nước cần chú trọng các giải pháp sau:

Một là: Sớm ban hành các luật sau:

- Luật về kiểm soát độc quyền và khuyến khích cạnh

tranh lành mạnh.

- Luật về bảo vệ người tiêu dùng.
- Luật chống làm hàng giả.
- Luật về mẫu mã nhãn hiệu hàng hoá mới về thông tin, quảng cáo.

Hai là: Ban hành và sửa đổi pháp lệnh về giá bao gồm:

- Sửa đổi qui định danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá. Nhà nước chỉ tập trung vào các hàng hoá dịch vụ độc quyền hoặc các hàng hoá ảnh hưởng tới quốc kế dân sinh mà không nên mở rộng diện quản lý quá nhiều loại hàng hoá dẫn đến kém hiệu lực và can thiệp quá sâu vào nền kinh tế làm mất động lực của sự phát triển.

Những hàng hoá cần được nhà nước qui định giá là: điện lưới quốc gia, khí đốt, nước công nghiệp, thủy lợi phí, cước bưu chính viễn thông, cước phí cảng biển, đất, dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước, tài nguyên mặt nước, mặt biển, giá hàng hoá dịch vụ từ nguồn ngân sách, viện phí, học phí, giá hàng hoá dịch vụ để tính thuế.

Ngoài ra nhà nước còn đưa ra khung giá (giá tối đa, giá tối thiểu) cho một số các hàng hoá sau đây: sắt thép, xăng dầu, xi măng, lúa, ure, giấy (viết, in báo), than cho một số ngành sản xuất, sách giáo khoa, cước vận chuyển hàng hoá, hành khách (đường biển, đường sông, ô tô, hàng không) cước lắp đặt điện thoại. Còn lại tất cả các hàng hoá khác để cho các DN tự quyết định giá, nhà nước chỉ tác động bằng các công cụ, chính sách kinh tế vĩ mô thông qua cung - cầu trên thị trường để điều chỉnh giá cả. Tương ứng với danh mục hàng hoá, dịch vụ này nhà nước cần xem xét lại việc phân cấp thẩm quyền định giá, để có các phương án điều hành thích hợp.

Ban hành quy chế tính giá, quy chế hạch toán chi phí sản xuất và giá thành cho tất cả các loại hàng hoá, dịch vụ để làm căn cứ kiểm soát chi phí, căn cứ tính thuế, căn cứ xác định tiền lương, thu nhập và năng suất lao động, khắc phục tình trạng chi phí đầu tư, chi phí sản xuất tăng không tương ứng với năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn. Đây là lĩnh vực chưa được quan tâm từ khi chuyển sang kinh tế thị trường đến nay. Sửa đổi quy định về thanh tra, kiểm tra giá cho phù hợp với cơ chế quản lý giá mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhất là đối với ngành sản xuất mang tính độc quyền. Cần kiểm soát toàn diện về qui mô, sản lượng chủng loại sản phẩm, chi phí sản xuất và giá cả các sản phẩm độc quyền để ngăn ngừa hiện tượng áp đặt giá ở mức cao để thu lợi nhuận độc quyền.

3. Ban hành quy chế thẩm định giá

Mục tiêu thẩm định giá là xác định đúng giá trị tài sản, thiết bị hàng hoá phù hợp với quan hệ cung - cầu trên thị trường tại thời điểm thẩm định giá theo yêu cầu của nhà nước, tổ chức kinh tế xã hội, tư nhân nhằm bảo vệ lợi ích cho mọi người sản xuất kinh doanh, hạn chế các hành vi tiêu cực trong mua bán tài sản từ nguồn ngân sách của nhà nước và nguồn vay viện trợ của chính phủ, nguồn vay viện trợ nước ngoài của DN có sự bảo lãnh của chính phủ.

Hiện nay ở Việt Nam có nhu cầu thẩm định giá rất lớn như: thẩm định giá cho nhu cầu mua, bán chuyển nhượng tài sản, thiết bị của khách hàng cho sự đền bù; thẩm định giá cho hoạt động tài chính tín dụng, xác định giá làm cơ sở cho kiểm toán, phục vụ cho việc tính thuế, cho hoạt động bảo hiểm và cho tư vấn đầu tư; thẩm định giá cho mỗi bên liên doanh góp vốn vào xí nghiệp liên doanh, tài sản thiết bị của các bên chuyển nhượng, thanh lý thế chấp, mua sắm mới; thẩm định giá các tài sản cho các DN nhà nước chuyển sang cổ phần hoá. Đối tượng thẩm định giá chia làm 2 loại: thẩm định giá mang tính bắt buộc và thẩm định giá theo yêu cầu của khách hàng.

4. Đổi mới cơ chế phụ thu và sử dụng quỹ bình ổn giá theo hướng kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm để hỗ trợ cho việc

dự trữ lưu thông, điều hoà hàng hoá, phòng chống rủi ro và dập tắt các biến động về giá cả khi xảy ra. Trong những năm trước mắt, cần kết hợp chính sách phụ thu linh hoạt quỹ bình ổn giá với chính thuế nhập khẩu để hạn chế ảnh hưởng của giá thế giới vào giá trong nước, bảo hộ sản xuất tiêu dùng.

5. Đổi mới căn bản chính sách và cơ chế giá đối với hàng hoá thuộc diện chính sách xã hội miền núi giảm trình trạng bù lỗ và "xin" "cho" qua giá.

Bằng việc sử dụng đồng bộ các biện pháp khác như chính sách tài chính, chính sách đầu tư, đầu thầu, mặt khác thực hiện chính sách trợ giá và trợ cước vận chuyển đối với hàng hoá quan trọng, nhất là những sản phẩm làm trên những điều kiện khó khăn.

6. Hoàn thiện quan hệ cánh kéo giá cả công nông nghiệp kết hợp với đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp.

7. Thành lập trung tâm giao dịch xuất khẩu nông sản phẩm nhằm tăng cường tối đa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế tối đa hình thức phá giá để cạnh tranh trong kinh doanh, đồng thời cũng là nơi cung cấp thông tin, xúc tiến khách hàng.

8. Tổ chức lại hệ thống thông tin thị trường giá cả trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế theo hướng nhanh chính xác và hiệu quả như thành lập cho được ngân hàng dữ liệu tương đối hoàn chỉnh khoa học và truy cập nhanh từ trung ương đến địa phương để cung cấp thông tin kịp thời chính xác nhằm giúp cho nhà sản xuất kinh doanh phát hiện sớm các rủi ro có thể xảy ra, giúp các cơ quan chức năng của chính phủ có thông tin đáng tin cậy để hoạch định chính sách quản lý vĩ mô thị trường giá cả, điều hoà được thị trường cung cầu và có khả năng dự báo sự biến động của giá cả trên từng thời kỳ.

9. Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý nhà nước về giá cả theo hướng sau:

Thành lập uỷ ban bình ổn về giá cả do Phó thủ tướng trực tiếp lãnh đạo, để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề về thị trường và giá cả, về tổ chức mạng lưới thông tin cũng như phối hợp trong phân công, phân cấp quản lý giá.

Sắp xếp kiện toàn ban vật giá theo hướng ổn định lâu dài thành một cơ quan độc lập có chức năng như bộ đề tư vấn cho chính phủ trong việc quản lý giá cả và thị trường. Tách ban vật giá của các tỉnh thành phố trọng điểm, quan trọng là đầu mối sản xuất lưu thông hàng hoá như thành phố Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Đà-Nẵng.. thành cơ quan độc lập trực thuộc UBND để tăng cường vai trò quản lý về giá cả.

Sớm thành lập trung tâm thẩm định giá Việt Nam (trực thuộc Ban vật giá chính phủ) để thực hiện chức năng thẩm định giá trong công tác quản lý giá cả của nhà nước.

Tóm lại: Trong nền kinh tế thị trường không thể phó mặc cho sự tác động tự phát của các qui luật của kinh tế thị trường mà nhà nước các quốc gia điều sử dụng công cụ giá cả để điều tiết ở mức độ nhất định nền kinh tế, nhất là trong tình hình khủng hoảng tài chính tiền tệ đang diễn ra trên thế giới hiện nay.

Cách thức quản lý về giá cả của mỗi một quốc gia là khác nhau, song trong điều kiện Việt Nam cần kế thừa các kinh nghiệm mà các quốc gia khác đã thực hiện thành công, đồng thời cần xuất phát cụ thể từ điều kiện của Việt Nam mà có các giải pháp thích hợp. Những giải pháp trình bày trong bài viết này tuy chưa đầy đủ song nó có tính khả thi, có thể can cụ thể hoá để triển khai áp dụng nhằm góp phần bình ổn giá cả Việt Nam trong khi các quốc gia khác đang gặp phải khủng hoảng về tài chính ■

Nguồn số liệu :

Ban vật giá chính phủ.

Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê năm 1997

Nguồn phân tích từ sách, tạp chí, báo trong và ngoài nước